TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày: 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu.

2. Bà Lò Thị Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 9 năm 1995 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Bản L, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện na y: Bản L, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T, sinh năm 1970 và bà Tòng Thị M, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/8/2017, bị Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 12 năm 2017, có mặt.

- Người bị hại: Anh Lèo Văn C – sinh năm 1981; trú tại: Bản L, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Tòng Văn X, sinh năm 1994; trú tại: Bản B, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lò Văn T, sinh năm 1970; trú tại: Bản L, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Chị Lò Thị M – sinh năm 1993; trú tại: Bản P, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; có mặt.

4. Chị Lò Thị T – sinh năm 1989; trú tại: Đội 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; trú tại: Tổ 8, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn T là đối tượng nghiện ma túy, đang thực hiện việc cai nghiện ma túy tự nguyện tại nhà. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, do lên cơn nghiện ma túy nên T đã lấy chìa khóa nhà treo ở cột nhà, mở cửa ra ngoài. Ra đến cổng, T nhặt được 01 chiếc chìa khóa xe máy, không rõ nhãn hiệu nên T nảy sinh ý định đi lên nương của gia đình ở bản L, xã H, thành phố S để lấy trộm chiếc xe mô tô của ông Lò Văn T (là bố đẻ của T). Khi đến nơi, T không thấy chiếc xe mô tô của ông T mà nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, BKS: 26K5 – 2085 của anh Lèo Văn C (người cùng bản) dựng ở gần nương cà phê, quan sát xung quanh không có ai nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. T lại gần chiếc xe thấy xe không khóa cổ, khóa càng nên T lấy chìa khóa mang theo người mở được khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ do anh Nguyễn Văn T, trú tại: tổ 8, phường Q, thành phố S quản lý, đặt vấn đề cầm cố chiếc xe với giá 1.000.000đ nhưng anh T không nhận cầm cố do xe không có giấy tờ. Sau đó, T điều khiển chiếc xe đi đến quán game tại khu vực phường T, thành phố S để chơi (T không nhớ địa chỉ cụ thể). Tại đây, T gặp bạn là Tòng Văn X, trú tại: Bản Bó C, xã H, thành phố S. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, chiếc xe mô tô T trộm cắp được bị thủng săm nên T dắt đến khu vực gần Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh S sửa rồi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng của X đi đến nhà chị gái là Lò Thị M ở bản P, phường Chiềng C, thành phố S để nhờ M đi cùng đến quán sửa xe, lấy chiếc xe mô tô BKS 26K5 – 2085 về (M không biết việc T lấy trộm được chiếc xe trên). Khi T và M mang xe về nhà M thì thấy chị gái là Lò Thị T, trú tại: Đội 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đang ở nhà. T nói với M việc T đã trộm cắp xe mô tô, nên M đã gọi điện cho bố là Lò Văn T hỏi và được biết chiếc xe mô tô T trộm cắp là của anh Lèo Văn C nên M đã điều khiển xe mô tô đến nhà C để trả lại cho anh C. Khi đến nhà C thì được cơ quan Công an mời về trụ sở làm việc và thu giữ chiếc xe mô tô.

Quá trình điều tra, bị cáo Lò Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên; người bị hại anh Lèo Văn C xác nhận đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có đề nghị gì về hình phạt cũng như trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, BKS: 26K5 – 2085; 01 chiếc chìa khóa xe máy, không rõ nhãn hiệu, tay cầm màu đen, thân chìa bằng kim loại màu trắng (thu giữ từ chị Lò Thị M).

Ngày 02/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thành phố Sơn La định giá đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, BKS: 26K5 – 2085 bị cáo chiếm đoạt của anh Lèo Văn C.

Tại Thông báo kết luận định giá tài sản số 221/TB-TCKH ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE @, loại xe: nữ, màu sơn: đen; biển kiểm soát: 26K5-2085; số máy: 1316500, số khung: 115628; đã qua sử dụng. Giá trị còn lại là: 6.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Lò Văn T chiếm đoạt là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 05/KSĐT ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Chiếc chìa khóa màu đen trắng qua sử dụng.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại anh Lèo Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá tài sản; nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát; nhất trí với bản luận tội cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phần tranh luận; bị cáo tỏ ra ăn năn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với ông Lò Văn T, chị Lò Thị M, chị Lò Thị T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đều không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lò văn T. Khi phát hiện Tùng trộm cắp tài sản, ông T, chị T, chị M đã hợp tác để mang trả chiếc xe trả cho anh C. Do đó không đề nghị xử lý đối với những người này.

Người bị hại anh Lèo Văn C, người làm chứng Nguyễn Văn T, Tòng Văn X, đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa,

người bị hại Lèo Văn C không có yêu cầu bồi thường và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; 02 người làm chứng xin giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Người bị hại anh Lèo Văn C; những người làm chứng anh Tòng Văn X và anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa (tống đạt trực tiếp) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có lời khai nhận tội thống nhất, ngày 01/12/2017 bị cáo Lò Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, BKS 26K5 – 2085, có giá trị 6.000.000,d (sáu triệu đồng) của anh Lèo Văn C. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm phạm tội (bút lục số 24; 26; 28; 64 đến 90). Người làm chứng Nguyễn Văn T xác nhận: Lò Văn T có đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô BKS 26K5 – 2085, nhưng không có giấy tờ xe hợp lệ nên anh T đã không nhận cầm cố; Ông Lò Văn T, chị Lò Thị M và chị Lò Thị T đều khai nhận: Khi biết T trộm xe mô tô của anh C thì đã đã thông tin cho nhau bằng điện thoại để mang chiếc xe về trả cho anh C và chị M là người trực tiếp mang chiếc xe đến nhà anh C để trả. Biên bản xác định hiện trường ngày 01/12/2017 tại Bản L, xã H, thành phố S + Sơ đồ hiện trường + Bản ảnh hiện trường cùng vật chứng thu giữ là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, BKS: 26K5 – 2085 đều phù hợp với lời khai của bị cáo Lò Văn T.

[3] Đầy đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Lò Văn T đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với trị giá 6.000.000 đồng. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt bị cáo Lò Văn T đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng … thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm". Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Bị cáo phạm tội với giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Nhưng có nhân thân xấu, có 01 tiền sự: Ngày 11/8/2017, bị Công an huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bản thân bị cáo cũng như người nhà bị cáo là bố đẻ và các chị ruột đều khẳng định bị cáo nghiện ma túy, gia đình đang cai nghiện cho bị cáo tại nhà, nhưng khi lên cơn vật ma túy bị cáo không kiểm soát nổi tìm cách trốn ra ngoài để tìm ma túy sử dụng. Chính vì vậy bố bị cáo là ông Lò Văn T đề nghị cho bị cáo có đủ thời gian cải tạo để bị cáo cai nghiện ma túy.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt bị cáo với mức tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự: bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α màu đen, BKS: 26K5 – 20.85 đã qua sử dụng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của người bị hại anh Lèo Văn C. Do đó, ngày 12/12/2017, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Sơn La đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho anh Lèo Văn C quản lý, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 (một) chiếc chìa khóa có tay cầm bằng nhựa màu đen, thân khóa làm bằng kim loại màu trắng, không rõ nhãn hiệu: Quá trình điều tra xác định đây là công cụ Lò Văn T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về bồi thường thiệt hại:

Người bị hại anh Lèo Văn C đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn T, ông Lò Văn T, anh Tòng Văn X, chị Lò Thị M, chị Lò Thị T: Quá trình điều tra xác định đều không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn T. Do đó không đề nghị xử lý đối với những người này.

[9] Về án phí: Do hành vi phạm tội của bị cáo nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 04/12/2017). Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Chiếc chìa khóa màu đen trắng qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/02/2018); người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- THAPT (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lại Thị Hiếu